TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/DSST
Ngày: 23-11-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án TAND huyện C, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2018 về việc "*Kiện đòi tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn 08, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tô Tiến D, sinh năm 1975 (Địa chỉ: Số 55 MH, TP. BM, tỉnh ĐL). (Vắng mặt)
Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 03, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện;bản tự khai, các biên bản lấy lời khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: do có quan hệ làm ăn buôn bán với nhau từ trước nên trong các năm từ 2012 đến năm 2013 bà B có bán thiếu phân bón và thuốc vật tư nông nghiệp cho bà Phạm Thị H. Cụ thể lần 01: ngày 02/5/2013 bà H có lấy của bà B lấy 01 đơn hàng với số tiền hàng là 23.200.000 đ; lần 02: ngày 09/9/2013 bà H lấy của bà B 01 đơn hàng với số tiền hàng là 1.080.000 đ; lần 03: ngày 30/9/2013 bà H tiếp tục lấy của bà B 01 đơn hàng với số tiền hàng là 2.290.000 đ. Tổng số tiền hàng bà H đã lấy và còn nợ lại của bà B là 26.570.000

đ; nhưng do bà H làm ăn thua lỗ, hoàn cảnh khó khăn nên khi bà B đến nhà đòi nợ nhiều lần bà H đã xin giảm cho bà H một phần số nợ và bà B đã đồng ý; Do vậy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B đã rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền hàng bà H còn nợ lại; bà B chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán số tiền gốc là 22.090.000 đ (hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này; việc thực hiện hợp đồng mua bán này chỉ diễn ra giữa bà Nguyễn Thị B và bà Phạm Thị H, ngoài ra không liên quan đến ai khác nên bà Nguyễn Thị B chỉ yêu cầu một mình bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai tại Tòa án bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà H thừa nhận có nợ của bà B số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp và thuốc bảo vệ thực vật là 22.090.000 đ (hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) như nội dung bà Nguyễn Thị B đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật; việc thực hiện hợp đồng mua bán chỉ liên quan đến bà Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị B, ngoài ra không con liên quan đến ai khác. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên bà H không có khả năng trả ngay số tiền còn nợ lại của bà B, bà H mong muốn bà Bình gia hạn cho bà một thời gian và không tính lãi đối với số tiền trên. Bà H cam kết đến cuối tháng 07/2018 sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ lại cho bà Nguyễn Thị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên họp công khai, kiểm tra, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền lãi của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền mua hàng hóa còn nợ lại là 22.090.000 đ (*Hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26/02/2018, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua phân bón và vật tư nông nghiệp còn nợ lại tính đến ngày 30/9/2013 là 22.090.000 đ và lãi suất theo quy định của pháp luật; do đó quan hệ xác định khi thụ lý là *"Kiện đòi tài sản"*; tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn công nhận số tiền còn nợ lại của như nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện trong vụ án do đó, HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 03, xã ND, huyện C, tỉnh ĐN; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chứng cứ chứng minh: Bà Nguyễn Thị B cung cấp tại Tòa án 01 Giấy nhận nợ (bản gốc) có chữ ký của bà Phạm Thị H; được thu thập hợp lệ, phù hợp với lời trình bày của các đương sự cũng như nội dung khách quan của vụ án. Do đó, HĐXX xác định đây là chứng cứ trong vụ án.

Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thừa nhận trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2013 bà Nguyễn Thị B có bán thiếu phân bón và vật tư nông nghiệp cho bà Phạm Thị H làm nhiều lần và các bên đều đồng ý chốt lại số tiền còn nợ lại do mua bán phân bón tính đến ngày 30/9/2013 là 22.090.000 đ (*Hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*); do đó những tình tiết này được Hội đồng xét xử công nhận và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về lãi suất: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi của số tiền 22.090.000 đ. Việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, và không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận.

Về nghĩa vụ thanh toán: Các đương sự đều thừa nhận việc mua bán, thực hiện hợp đồng chỉ diễn ra giữa bà Nguyễn Thị B và bà Phạm Thị H, ngoài ra không còn liên quan đến ai khác; trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B chỉ yêu cầu một mình bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ lại cho bà B. Do đó, đây là khoản nợ riêng của bà H đối với bà B; Bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền này cho bà Nguyễn Thị B.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự với số tiền 22.090.000 đ x 5% = 1.104.500 đ (*Một triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng*) và bà B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 217, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền còn nợ lại là 22.090.000 đ (*Hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phạm Thị H không thi hành thì bà Phạm Thị H còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 22.090.000 đ (hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 1.104.500 đ (*Một triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 552.000 đ *(Năm trăm năm mươi hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002708 ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐN.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)